



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
-----***-----

VŨ THỊ THÙY VÂN

**QUẢN LÝ THU THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP
KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI THUẾ CƠ SỞ 2
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

TÓM TẮT ĐỀ ÁN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Mã số: 834 04 10

Đà Nẵng - Năm 2026

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

---* * *---

Người hướng dẫn: PGS.TS. Trương Hồng Trình

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Đề án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm đề án tốt nghiệp
thạc sĩ Quản lý kinh tế họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại
học Đà Nẵng vào ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu đề án tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

Trong nền kinh tế hiện đại, thuế không chỉ là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước mà còn là công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện quản lý, điều tiết và ổn định kinh tế vĩ mô. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế số, hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là thương mại, ngày càng đa dạng và phức tạp.

Doanh nghiệp kinh doanh thương mại đóng vai trò là cầu nối trong lưu thông hàng hóa, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số doanh nghiệp và có đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế. Nhà nước đang định hướng phát triển mạnh thị trường trong nước, thúc đẩy tiêu dùng và đảm bảo cân đối cung cầu hàng hóa, cùng với yêu cầu đổi mới toàn diện công tác quản lý thuế theo hướng hiện đại, minh bạch, phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị.

Xuất phát từ ý nghĩa thực tiễn và định hướng chính sách nêu trên, tác giả lựa chọn đề tài “Quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại tại Thuế cơ sở 2 thành phố Đà Nẵng” làm đề tài nghiên cứu cho đề án tốt nghiệp thạc sĩ, với mong muốn đánh giá thực trạng, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân, đề xuất các giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp thương mại.

2. Mục tiêu xây dựng đề án

2.1. Mục tiêu tổng quát

Trên cơ sở phân tích thực trạng và chỉ ra những thành công, hạn chế nhằm xây dựng đề án quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp kinh

doanh thương mại tại Thuế cơ sở 2 theo hướng hiệu quả và bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Trình bày cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của đề án quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại.

- Phân tích thực trạng, nhận diện thành công, hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại tại Thuế cơ sở 2.

- Đề xuất và tổ chức thực hiện các giải pháp của đề án quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp thương mại tại Thuế cơ sở 2.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề án là những vấn đề lý luận và thực tiễn trong công tác quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh thương mại thuộc phân cấp quản lý của tại Thuế cơ sở 2.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Nghiên cứu tập trung tại địa bàn phường Hải Châu và phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng, thuộc phạm vi quản lý thu thuế của Thuế cơ sở 2.

- Phạm vi thời gian: Nghiên cứu thực trạng quản lý thu thuế từ năm 2021 - 2025; đề xuất giải pháp quản lý thu thuế giai đoạn năm 2026 - 2030.

- Phạm vi nội dung: Đề án tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến công tác quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp thương mại thuộc phân cấp quản lý của Thuế cơ sở 2, bao gồm 05 nội dung: (1) Lập dự toán thu thuế; (2) Tổ chức bộ máy quản lý thu thuế; (3) Tổ chức thu thuế, gồm: Đăng ký thuế; tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; khai thuế - ấn định thuế; nộp thuế; quản lý nợ thuế (4) Quản lý thông

tin người nộp thuế và (5) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý vi phạm về thuế.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

- Phương pháp tổng hợp, hệ thống hóa để thu thập dữ liệu thứ cấp: Đề án sử dụng dữ liệu khai thác trên các chương trình quản lý thuế của ngành thuế và các thông tin có khác có liên quan.

- Phương pháp khảo sát để thu thập dữ liệu sơ cấp: Tác giả tiến hành khảo sát hai nhóm đối tượng là 40 công chức thuế tại Thuế cơ sở 2 và 121 doanh nghiệp thương mại do Thuế cơ sở 2 quản lý.

4.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

- + Phương pháp thống kê mô tả.
- + Phương pháp so sánh.
- + Phương pháp tổng hợp, hệ thống hóa tài liệu.

5. Ý nghĩa thực tiễn của đề án

Kết quả nghiên cứu của đề án giúp Lãnh đạo Thuế cơ sở 2 đánh giá được thực trạng công tác quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn được phân công quản lý hiện nay, làm rõ các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân gây ảnh hưởng đến hiệu quả công tác thu thuế, nghiên cứu các giải pháp và tổ chức thực hiện các giải pháp mà đề án đề xuất nhằm khắc phục kịp thời, nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với doanh nghiệp thương mại.

6. Kết cấu của đề án

Đề án có kết cấu gồm 04 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và căn cứ pháp lý của quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh thương mại

Chương 2: Thực trạng quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp

kinh doanh thương mại tại Thuế cơ sở 2 thành phố Đà Nẵng

Chương 3: Giải pháp của đề án quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh thương mại tại Thuế cơ sở 2 thành phố Đà Nẵng

Chương 4: Tổ chức thực hiện

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA QUẢN LÝ THU THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KINH DOANH THƯƠNG MẠI

1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến quản lý thu thuế doanh nghiệp kinh doanh thương mại

1.1.1. Khái niệm về thuế

Thuế là khoản nộp mang tính nghĩa vụ bắt buộc của các pháp nhân và thể nhân đối với Nhà nước không mang tính đối giá hoàn trả trực tiếp.

1.1.2. Doanh nghiệp kinh doanh thương mại

Doanh nghiệp kinh doanh thương mại là doanh nghiệp được thành lập hợp pháp, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa và dịch vụ, thực hiện các hoạt động như mua vào – bán ra, phân phối, đại lý, bán buôn, bán lẻ... nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận.

Doanh nghiệp thương mại có những đặc điểm cơ bản: Hoạt động chủ yếu là mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ thương mại; đóng vai trò trung gian trong quá trình lưu thông hàng hóa; lợi nhuận chủ yếu từ chênh lệch giá mua – bán; tỷ trọng vốn lưu động lớn trong cơ cấu vốn; phụ thuộc nhiều vào biến động cung – cầu và thị trường.

1.1.3. Quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại

Quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp thương mại là quá trình các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng các công cụ và phương pháp

phù hợp tác động đến quá trình thu, nộp thuế của các doanh nghiệp thương mại nhằm mục đích thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật về thuế.

1.2. Các nội dung quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại

1.2.1. Lập dự toán thu thuế

Lập dự toán thu thuế là quá trình tính toán, dự báo một cách khoa học và chính xác số tiền thuế nhà nước có thể thu được trong một kỳ kế hoạch nhất định. Dự toán thu thuế được lập trên cơ sở dự báo các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và các chỉ tiêu khác có liên quan, các quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách. Dự toán thu thuế chính xác giúp nhà nước cân đối thu chi, tránh tình trạng thiếu hụt ngân sách, ảnh hưởng đến các hoạt động của nhà nước

** Tiêu chí đánh giá:* Dự toán thu thuế đối với doanh nghiệp thương mại được lập đúng quy định, trình tự, thời gian; dự toán thu thuế đối với doanh nghiệp thương mại sát với số thực hiện.

1.2.2. Tổ chức bộ máy quản lý thu thuế

Mục tiêu chính của tổ chức bộ máy quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp là đảm bảo việc quản lý đầy đủ, đúng đối tượng, thu đầy đủ và kịp thời các khoản thuế vào NSNN, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế.

** Tiêu chí đánh giá:* Số lượng công chức được phân công về các bộ phận thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý thu thuế; mức độ phù hợp giữa số lượng công chức và số lượng doanh nghiệp quản lý; chất lượng đội ngũ cán bộ công chức thông qua trình độ chuyên

môn nghiệp vụ và công tác đào tạo.

1.2.3. Tổ chức thu thuế

1.2.3.1. Đăng ký thuế

Đăng ký thuế là quá trình kê khai, cung cấp thông tin về doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh cho cơ quan thuế, đây là hoạt động bắt buộc mà mọi tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh, sản xuất hoặc có thu nhập chịu thuế phải thực hiện. Hiện nay, việc đăng ký thuế được thực hiện bằng phương thức điện tử.

** Tiêu chí đánh giá:* Số lượng doanh nghiệp được cấp MST hàng năm; Cập nhật thay đổi thông tin đăng ký thuế như người đại diện pháp luật, ngành nghề, quy mô, loại hình tổ chức, trạng thái hoạt động... đầy đủ, kịp thời.

1.2.3.2. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Mục tiêu trọng tâm của công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT là giúp NNT nắm vững quy định pháp luật về thuế, hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình, từ đó nâng cao ý thức tự giác chấp hành nghĩa vụ thuế, giảm thiểu vi phạm do thiếu hiểu biết, đồng thời góp phần xây dựng hình ảnh thân thiện, hiện đại của cơ quan thuế trong mắt người dân.

** Tiêu chí đánh giá:* Số lượt tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật của năm nay so với năm trước liền kề; Hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật thuế của năm nay so với năm trước liền kề; Số lượt NNT tham dự tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật của năm nay so với năm trước liền kề; Số lượng văn bản giải đáp vướng mắc cho NNT đúng hạn so với số lượng văn bản phải trả lời.

1.2.3.3. Khai thuế - Ấn định thuế

Kê khai thuế là việc NNT thực hiện việc kê khai và nộp tờ khai

thuế theo đúng mẫu biểu, nội dung, thời hạn và hình thức do cơ quan thuế quy định.

Ấn định thuế là việc cơ quan quản lý thuế ấn định số tiền thuế phải nộp hoặc ấn định từng yếu tố, căn cứ tính thuế để xác định số tiền thuế phải nộp, ấn định thuế thực hiện trong trường hợp người nộp thuế có các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

** Tiêu chí đánh giá:* Số lượng doanh nghiệp kê khai thuế / Số lượng doanh nghiệp được cấp MST; Số lượng hồ sơ khai thuế đúng hạn/ Tổng số lượng hồ sơ khai thuế phải nộp; Số lượng tờ khai đã xử phạt vi phạm/ Số lượng tờ khai nộp trễ; Thực hiện ấn định thuế theo đúng quy định, đảm bảo không thất thu NSNN.

1.2.3.4. Nộp thuế

Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế, doanh nghiệp phải nộp các loại thuế phát sinh theo quy định. Hiện nay, tất cả các doanh nghiệp đều thực hiện nộp tiền thuế bằng phương thức điện tử.

** Tiêu chí đánh giá:* Số tiền thuế đã nộp vào NSNN/ Số tiền thuế phải nộp vào NSNN;

1.2.3.5. Quản lý nợ thuế

Quản lý nợ thuế là quá trình cơ quan thuế thực hiện các biện pháp kiểm soát và quản lý đối với các khoản tiền thuế chưa được nộp đầy đủ hoặc đúng hạn, nhằm đảm bảo nguồn thu cho NSNN, duy trì trật tự kỷ luật tài chính và tạo môi trường kinh doanh công bằng.

** Tiêu chí đánh giá:* Số tiền thuế nợ / Số thu NSNN hàng năm.

1.2.4. Quản lý thông tin người nộp thuế

Quản lý thông tin người nộp thuế là khâu quan trọng trong quá

trình quản lý thuế. Cơ quan thuế thực hiện quản lý thuế theo phân nhóm người nộp thuế. Hoạt động này giúp cơ quan thuế có cái nhìn tổng quan về đối tượng nộp thuế, từ đó xây dựng các chính sách thuế phù hợp, đảm bảo công bằng và hiệu quả trong việc thu thuế.

** Tiêu chí đánh giá:* Hệ thống thông tin NNT được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, đúng quy định; Hệ thống thông tin NNT dễ dàng khai thác thông tin, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý NNT, đánh giá và phát hiện NNT có rủi ro cao về thuế.

1.2.5. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý vi phạm về thuế

Kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp là quá trình cơ quan thuế thực hiện việc rà soát, giám sát, đối chiếu các dữ liệu trên hồ sơ khai thuế đối với các số liệu trên hóa đơn chứng từ, hồ sơ sổ sách và thực tế kinh doanh của các doanh nghiệp nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp.

Xử lý vi phạm về thuế là quá trình áp dụng các biện pháp hành chính, pháp luật đối với những trường hợp NNT vi phạm các quy định về thuế, hoặc trong trường hợp nghiêm trọng có thể truy cứu trách nhiệm hình sự.

** Tiêu chí đánh giá:* Số lượng quyết định kiểm tra thực hiện/ Số lượng doanh nghiệp theo kế hoạch kiểm tra được giao; Tổng số tiền thuế truy thu, phạt, tiền chậm nộp của tất cả các quyết định xử lý/ Tổng số quyết định xử lý.

1.3. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án

Cơ sở pháp lý cho việc thực hiện đề án quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp thương mại tại Thuế cơ sở 2 bao gồm Luật quản lý thuế, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp,

Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy trình quản lý thuế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI THUẾ CƠ SỞ 2 TP. ĐÀ NẴNG

2.1. Đặc điểm của phường Hải Châu và phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng ảnh hưởng đến quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại

2.1.1. Điều kiện tự nhiên:

Địa bàn nghiên cứu là phường Hải Châu và phường Hòa Cường, thuộc phạm vi quản lý thu thuế của Thuế cơ sở 2.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1.3. Tình hình doanh nghiệp kinh doanh thương mại trên địa bàn phường Hải Châu và phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng

Tính đến ngày 30/12/2025, Thuế cơ sở 2 đang quản lý đối với 6.592 doanh nghiệp, tổ chức khác đang hoạt động kinh doanh. Trong đó, số doanh nghiệp thương mại trên địa bàn là 1.921 doanh nghiệp, chiếm khoảng 30% tổng số doanh nghiệp và tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

Tổng doanh thu kê khai của doanh nghiệp thương mại trên địa bàn trong năm 2025 khoảng 22.446 tỷ đồng. Tổng số thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 895.123 triệu đồng, trong đó, các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn đóng góp 312.794 triệu đồng, chiếm khoảng 35% tổng số thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

2.1.4. Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội đến công tác quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại

Địa bàn phường Hải Châu và phường Hòa Cường nằm ở vị trí trung tâm thành phố Đà Nẵng, có mật độ kinh doanh cao, hệ thống giao thông thuận lợi, tạo điều kiện cho cơ quan thuế trong việc tiếp cận, theo dõi, giám sát và kiểm tra trực tiếp hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, những yếu tố này khiến môi trường kinh doanh trở nên cạnh tranh gay gắt, các doanh nghiệp thường xuyên thay đổi về địa điểm, thời gian, quy mô hoạt động hoặc tạm ngừng kinh doanh, gây khó khăn trong công tác cập nhật dữ liệu, xác định chính xác doanh thu thực tế và đảm bảo tính công bằng trong quản lý thuế.

2.2. Thực trạng quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại tại Thuế cơ sở 2 thành phố Đà Nẵng

2.2.1. Thực trạng lập dự toán thu thuế

Công tác xây dựng dự toán thu NSNN hiện nay tại Thuế cơ sở 2 đang được triển khai theo hướng dẫn của Cục Thuế. Dự toán thu thuế đảm bảo duy trì mức tăng trưởng thu ổn định so với các năm trước, quá trình xây dựng dự toán cũng loại trừ các yếu tố làm giảm số thu ngân sách nhà nước và các khoản tăng thu mang tính đột biến, thiếu tính bền vững. Công tác lập dự toán thu thuế đối với các doanh nghiệp thương mại tại Thuế cơ sở 2 được đánh giá ở mức khá, bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo kịp thời, tuy nhiên vẫn còn chênh lệch đáng kể giữa dự toán và số thu thực tế, công tác dự báo còn thận trọng.

2.2.2. Thực trạng tổ chức bộ máy quản lý thu thuế

Từ ngày 01/3/2025, ngành thuế đã chuyển đổi từ mô hình “quản lý thuế theo chức năng, kết hợp với đối tượng” sang mô hình “quản lý theo đối tượng, kết hợp quản lý theo chức năng”. Theo chủ trương tinh gọn, hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả, mỗi công chức quản lý từng đối

tượng quản lý sẽ thực hiện hỗ trợ NNT đầy đủ các chức năng. Thuế cơ sở 2 có người đứng đầu là Trưởng Thuế cơ sở cùng 08 Tổ thuế trực thuộc với tổng số cán bộ, công chức trực thuộc tại thời điểm 01/3/2026 là 84 người. Hạn chế lớn nhất hiện nay nằm ở sự thiếu hụt nghiêm trọng về số lượng công chức so với yêu cầu thực tiễn. Nguồn lực mỏng buộc các bộ phận phải kiêm nhiệm nhiều chức năng, dẫn đến tình trạng phân công, phân nhiệm chưa thực sự rõ ràng và thiếu cân đối.

2.2.3. Thực trạng tổ chức thu thuế

2.2.3.1. Đăng ký thuế

Hiện nay, theo cơ chế một cửa liên thông thì các doanh nghiệp thương mại sẽ thực hiện đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế ngay tại bộ phận 1 cửa của Sở Kinh tế - Tài chính, dữ liệu sẽ truyền sang phân hệ đăng ký thuế trên ứng dụng hệ thống quản lý thuế tập trung của cơ quan thuế. Các doanh nghiệp thương mại đều thuộc trường hợp đăng ký thuế liên thông bằng phương thức điện tử qua cơ quan đăng ký kinh doanh, vì vậy không có tình trạng trả kết quả trễ hạn từ cơ quan thuế.

2.2.3.2. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế nhằm giúp NNT tiếp cận đầy đủ thông tin, hiểu đúng và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật thuế. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế tại Thuế cơ sở 2 cơ bản đáp ứng yêu cầu, tuy nhiên việc tra cứu thông tin trên các nền tảng điện tử của cơ quan thuế vẫn còn những hạn chế nhất định về tính thuận tiện, khả năng tìm kiếm hoặc mức độ thân thiện đối với người sử dụng.

2.2.3.3. Khai thuế - Ấn định thuế

Các doanh nghiệp thương mại đều thực hiện lập tờ khai thuế trên phần mềm Hỗ trợ kê khai thuế do Cục Thuế cung cấp. Sau khi hoàn

tất việc kê khai, doanh nghiệp sẽ kết xuất tờ khai và nộp hồ sơ khai thuế đến cơ quan thuế. Phần lớn các doanh nghiệp thương mại thuộc Thuế cơ sở 2 đều chấp hành tương đối tốt nghĩa vụ kê khai thuế và thực hiện đầy đủ việc nộp hồ sơ khai thuế sau khi được cơ quan thuế đôn đốc, nhắc nhở. Các doanh nghiệp có vi phạm cơ bản đều phối hợp thực hiện kê khai, điều chỉnh theo hướng dẫn của cơ quan thuế. Do vậy, Thuế cơ sở 2 chưa phải áp dụng biện pháp ấn định thuế đối với các doanh nghiệp thương mại.

2.2.3.4. Nộp thuế

Thời hạn nộp tiền thuế cũng là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Các doanh nghiệp thương mại phải nộp đầy đủ số thuế phát sinh vào NSNN theo số liệu các tờ khai thuế. Hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp đều thực hiện nộp tiền thuế bằng phương thức điện tử, một số trường hợp trực tiếp nộp tại các Ngân hàng thương mại. Số thuế thu từ các doanh nghiệp thương mại tại cơ quan thuế có xu hướng tăng qua các năm trong giai đoạn 2021–2025, tỷ lệ số thuế đã nộp trên số thuế phải nộp của các doanh nghiệp thương mại luôn duy trì ở mức cao, phần lớn trên 90%.

2.2.3.5. Quản lý nợ thuế

Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đối với các doanh nghiệp thương mại tại Thuế cơ sở 2 được triển khai theo đúng quy trình và quy định hiện hành, đạt được một số kết quả tích cực, góp phần duy trì nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, tình trạng nợ thuế vẫn còn tồn tại và có xu hướng tăng trở lại. Số tiền thuế nợ cuối kỳ có sự biến động, tình trạng nợ thuế của một số doanh nghiệp vẫn còn diễn biến phức tạp, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn về tài chính và biến động của hoạt động kinh doanh.

2.2.4. Thực trạng quản lý thông tin người nộp thuế

Công tác quản lý thông tin người nộp thuế hiện nay được tổ chức và vận hành theo hướng hiện đại, với sự hỗ trợ của nhiều phần mềm và hệ thống công nghệ thông tin chuyên ngành. Hệ thống quản lý thuế tập trung bước đầu đã hỗ trợ cơ quan thuế trong công tác quản lý và phân tích rủi ro người nộp thuế, tuy nhiên hiệu quả ứng dụng vẫn chưa thật sự rõ rệt và cần tiếp tục được nâng cấp, hoàn thiện và ứng dụng các công nghệ mới nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý thuế trong giai đoạn hiện nay.

2.2.5. Thực trạng kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý vi phạm về thuế

Cơ quan thuế áp dụng quản lý rủi ro trong công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế của các doanh nghiệp thương mại. Công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về thuế tại Thuế cơ sở 2 cơ bản được thực hiện hiệu quả, với tỷ lệ hoàn thành kế hoạch cao và hiệu quả xử lý qua kiểm tra ngày càng được nâng lên. Tuy nhiên, cơ quan thuế vẫn cần tiếp tục đổi mới phương thức kiểm tra theo hướng phù hợp hơn với hoạt động của doanh nghiệp.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp thương mại tại Thuế cơ sở 2 thành phố Đà Nẵng

2.3.1. Những kết quả đạt được

2.3.1.1. Lập dự toán thu thuế

Công tác lập dự toán thu ngân sách hằng năm tại Thuế cơ sở 2 được triển khai đầy đủ và hoàn thành đúng thời hạn theo quy định, đáp ứng yêu cầu về tăng trưởng thu của ngành và cấp trên giao. Quá trình xây dựng dự toán được thực hiện trên cơ sở phân tích dữ liệu quản lý thuế, đánh giá tình hình thực hiện thu ngân sách và nghiên cứu xu

hướng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

2.3.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý thu thuế

Thuế cơ sở 2 đã thực hiện phân công công chức phụ trách quản lý theo từng đối tượng cụ thể và chịu trách nhiệm xuyên suốt các khâu. Phương thức tổ chức này góp phần tinh gọn bộ máy quản lý, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của từng công chức thuế, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi chỉ cần làm việc với một đầu mối duy nhất. Thuế cơ sở 2 luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ công chức thuế nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

2.3.1.3. Tổ chức thu thuế

- Đăng ký thuế: Hiện nay việc đăng ký thuế chủ yếu được thực hiện bằng phương thức điện tử, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí cho người nộp thuế.

- Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế: Các quy định và chính sách thuế mới ban hành đã được Thuế cơ sở 2 truyền tải đến doanh nghiệp thông qua nhiều hình thức, đa dạng hóa các kênh hỗ trợ nhằm cập nhật kịp thời các thông tin, chính sách thuế đến doanh nghiệp.

- Khai thuế - Ấn định thuế: Hệ thống kê khai thuế điện tử được triển khai đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế. Việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế đã góp phần nâng cao tính chính xác, minh bạch và hiệu quả trong công tác quản lý, theo dõi việc thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.

- Nộp thuế: Hình thức nộp thuế điện tử được triển khai rộng rãi, cho phép người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế mà không cần trực tiếp đến Ngân hàng, giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc nộp thuế đúng thời hạn, góp phần ổn định nguồn thu ngân sách nhà

nước.

- Quản lý nợ thuế: Thuế cơ sở 2 đã triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý và cưỡng chế nợ thuế theo quy định. Công tác rà soát, phân loại nợ thuế được thực hiện thường xuyên theo từng nhóm đối tượng, kết hợp áp dụng các biện pháp nhắc nhở, đôn đốc và xử lý theo quy định pháp luật.

2.3.1.4. Quản lý thông tin người nộp thuế

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong Quản lý thông tin người nộp thuế đã góp phần xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế toàn diện, chính xác và cập nhật thường xuyên, tạo nền tảng quan trọng cho công tác quản lý thuế hiện đại. Hệ thống dữ liệu tập trung còn hỗ trợ hiệu quả cho công tác kiểm tra thuế, theo dõi tình hình kê khai, nộp thuế và phát hiện kịp thời các dấu hiệu rủi ro hoặc hành vi vi phạm pháp luật thuế.

2.3.1.5. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý vi phạm về thuế

Công tác kiểm tra thuế hằng năm tại Thuế cơ sở 2 được triển khai hiệu quả, cơ bản hoàn thành kế hoạch kiểm tra được giao, đồng thời hiệu quả xử lý sau kiểm tra ngày càng được nâng cao. Việc xử lý các hành vi vi phạm về thuế được thực hiện trên cơ sở tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2.3.2. Hạn chế

2.3.2.1. Lập dự toán thu thuế

Nguyên tắc và yêu cầu lập dự toán chưa phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, chưa linh hoạt và chưa phản ánh đầy đủ biến động thực tế của nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Cơ sở dữ liệu phục vụ công tác lập dự toán thu thuế dựa

trên số liệu thực hiện của các năm trước, chưa chi tiết đối với từng doanh nghiệp, việc phân tích xu hướng thị trường và đánh giá khả năng phát sinh nguồn thu còn hạn chế. Việc đánh giá và dự báo số thu ở một số trường hợp còn mang tính chủ quan, chưa đảm bảo độ chính xác.

2.3.2.2. Tổ chức bộ máy quản lý thu thuế

Việc phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các Tổ nghiệp vụ trong một số trường hợp còn chưa thực sự rõ ràng và chồng chéo. Số lượng công chức hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý trong bối cảnh số lượng doanh nghiệp ngày càng gia tăng và biến động thường xuyên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức vẫn thiếu các chương trình đào tạo chuyên sâu đối với lĩnh vực thương mại.

2.3.2.3. Tổ chức thu thuế

- Đăng ký thuế: Thủ tục thành lập và đăng ký doanh nghiệp rất thông thoáng, trong khi cơ chế kiểm tra, xác minh thông tin ban đầu chưa thực sự chặt chẽ. Số lượng doanh nghiệp quản lý rất lớn và biến động thường xuyên, nhưng nguồn nhân lực quản lý còn hạn chế.

- Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế: Hiệu quả thực tế của công tác tuyên truyền pháp luật thuế vẫn chưa đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh cải cách và hiện đại hóa ngành thuế. Công tác hỗ trợ người nộp thuế chưa thể hỗ trợ chuyên sâu và thường xuyên cho từng doanh nghiệp.

- Khai thuế và ấn định thuế: Công tác khai thuế hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế về hạ tầng kỹ thuật và ý thức chấp hành của doanh nghiệp.

- Nộp thuế: Một số doanh nghiệp khi lập giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước còn ghi sai nội dung, gây khó khăn cho cơ quan thuế trong việc theo dõi, đối chiếu và xử lý nghĩa vụ thuế.

- Quản lý nợ thuế: Công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý trong thực tiễn.

2.3.2.4. Quản lý thông tin người nộp thuế

Hiệu quả khai thác và sử dụng vẫn chưa thực sự đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn hiện nay do chất lượng và mức độ đầy đủ của dữ liệu trên hệ thống vẫn còn nhiều hạn chế, chưa phản ánh đầy đủ thực trạng hoạt động kinh doanh, mức độ tuân thủ hay các dấu hiệu rủi ro của doanh nghiệp. Việc kết nối, chia sẻ và tích hợp thông tin giữa cơ quan thuế với các cơ quan chức năng khác còn hạn chế. Hệ thống hiện nay chưa khai thác hiệu quả các công nghệ hiện đại để phục vụ công tác nhận diện rủi ro, phát hiện gian lận thuế, khiến hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế chưa đáp ứng với yêu cầu chuyển đổi số ngành thuế trong giai đoạn hiện nay.

2.3.2.5. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý vi phạm về thuế

Công tác kiểm tra quyết toán thuế chủ yếu dựa vào hồ sơ kế toán do doanh nghiệp lưu trữ, đối chiếu với tình hình hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ không khả thi. Quá trình phối hợp với các tổ chức tín dụng trong việc cung cấp thông tin còn chậm, thiếu đồng bộ và cung cấp thông tin không đầy đủ. Việc phối hợp từ phía các đơn vị cung ứng phần mềm còn mang tính bị động, chưa tích cực hỗ trợ; có rủi ro doanh nghiệp không kê khai đầy đủ doanh thu bán hàng, loại trừ các khoản chi phí tương ứng ngoài sổ sách kế toán. Hiệu quả thu hồi nợ thuế và xử lý vi phạm sau kiểm tra vẫn chưa tương xứng với nguồn lực đã bỏ ra.

2.3.3. Nguyên nhân của các hạn chế

Các hạn chế trong công tác quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp là kết quả của sự tác động đồng thời từ nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm sự chưa hoàn thiện và ổn định của cơ chế, chính sách thuế; năng lực chuyên môn và hiệu quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ công chức thuế; ý thức chấp hành pháp luật của người nộp thuế; cùng với đó là mức độ phối hợp giữa cơ quan thuế và các cơ quan, tổ chức có liên quan còn chưa đồng bộ và chặt chẽ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN QUẢN LÝ THU THUẾ DOANH NGHIỆP KINH DOANH THƯƠNG MẠI TẠI THUẾ CƠ SỞ 2 TP. ĐÀ NẴNG

3.1. Cơ sở tiền đề cho việc xây dựng đề án

3.1.1. Kế hoạch cải cách hệ thống thuế đến năm 2030

3.1.2. Định hướng phát triển doanh nghiệp kinh doanh thương mại của thành phố Đà Nẵng

3.2. Các giải pháp của đề án

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện công tác lập dự toán thu thuế

Hoàn thiện phương pháp lập dự toán thu thuế theo hướng khoa học, hiện đại; Tăng cường khảo sát, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thương mại; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và khai thác cơ sở dữ liệu trong công tác lập dự toán; Hoàn thiện cơ sở dữ liệu và tăng cường phối hợp liên ngành trong công tác lập dự toán thu; Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức làm công tác dự toán thu ngân sách.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy quản lý thu thuế

Kiến tạo toàn tổ chức bộ máy và phân công nhiệm vụ theo hướng rõ

ràng, chuyên sâu; Kiện toàn bộ phận công nghệ thông tin và phân tích dữ liệu phục vụ quản lý thuế; Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức thuế gắn với yêu cầu thực tiễn quản lý; Thực hiện điều động, luân chuyển công chức hợp lý gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ.

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức thu thuế

3.2.3.1. Đăng ký thuế

Chuẩn hóa và đồng bộ dữ liệu đăng ký thuế với cơ sở dữ liệu quốc gia; Tăng cường rà soát, kiểm tra thực tế hoạt động của doanh nghiệp ngay từ khâu đăng ký thuế; Đẩy mạnh phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan trong quản lý người nộp thuế.

3.2.3.2. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Đổi mới công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế chuyên sâu theo ngành nghề; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hỗ trợ người nộp thuế; Phát huy vai trò của người tiêu dùng trong giám sát nghĩa vụ thuế thông qua chương trình “Hóa đơn may mắn”.

3.2.3.3. Khai thuế - Ấn định thuế

Hoàn thiện hệ thống kê khai thuế điện tử, nâng cao chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin; Tăng cường liên thông dữ liệu trong quản lý kê khai thuế; Hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ công tác ấn định thuế.

3.2.3.4. Nộp thuế

Đẩy mạnh triển khai và hoàn thiện hệ thống nộp thuế điện tử; Tăng cường công tác theo dõi, đối chiếu và hỗ trợ người nộp thuế trong quá trình nộp thuế.

3.2.3.5. Quản lý nợ thuế

Nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống quản lý nợ thuế; Tăng cường theo dõi, phân loại và phân tích nguyên nhân nợ thuế; Áp dụng linh

hoạt và kịp thời các biện pháp đôn đốc, cưỡng chế nợ thuế.

3.2.4. Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thông tin NNT

Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống thông tin quản lý thuế tập trung; Tăng cường kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với các cơ quan, tổ chức liên quan; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và phân tích dữ liệu lớn trong quản lý thuế; Nâng cao năng lực khai thác hệ thống và bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

3.2.5. Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý nghiêm các vi phạm về thuế

Tăng cường ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong công tác kiểm tra thuế; Tăng cường phối hợp liên ngành trong công tác kiểm tra và giám sát thuế; Nâng cao chất lượng chuyên môn và năng lực xử lý vi phạm của công chức kiểm tra thuế; Nâng cao hiệu quả xử lý và tăng cường tính răn đe đối với các hành vi vi phạm thuế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Với giải pháp hoàn thiện công tác lập dự toán thu thuế

4.1.1. Phân công nhiệm vụ

- Tổ Nghiệp vụ, dự toán, pháp chế chủ trì xây dựng phương pháp dự toán thu theo hướng phân tích dữ liệu, dự báo nguồn thu, đánh giá rủi ro thất thu và tổng hợp kết quả thực hiện dự toán. Đồng thời phối hợp triển khai chuyển đổi số, đào tạo nghiệp vụ và hỗ trợ các Tổ chuyên môn phân tích dữ liệu doanh nghiệp.

- Các Tổ Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện khảo sát doanh nghiệp trọng điểm, phân tích nghĩa vụ thuế và phối hợp xác minh rủi ro, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ dự báo thu.

- Tổ Kiểm tra cung cấp kết quả kiểm tra, phân tích hành vi gian

lên, phối hợp xác minh số liệu phục vụ dự báo nguồn thu.

- Tổ Hành chính, tổng hợp bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, tổ chức đào tạo, theo dõi tiến độ và tổng hợp báo cáo thực hiện.

4.1.2. Lộ trình thực hiện

- Năm 2026: Rà soát quy trình dự toán, chuẩn hóa dữ liệu, xây dựng tiêu chí phân tích và đào tạo cơ bản. Năm 2027: Khảo sát chuyên sâu doanh nghiệp trọng điểm, kết nối dữ liệu hóa đơn điện tử và đăng ký kinh doanh. Năm 2028: Ứng dụng AI, Machine Learning trong phân tích nguồn thu và cảnh báo rủi ro. Năm 2029: Mở rộng phân tích dữ liệu lớn, chuẩn hóa mô hình dự báo thu. Năm 2030: Tổng kết, hoàn thiện mô hình dự toán hiện đại và quản trị dữ liệu.

4.1.3. Kinh phí, nguồn lực

- Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí từ ngân sách quản lý hành chính, hiện đại hóa ngành Thuế và chuyển đổi số.

- Nguồn lực nhân sự: Công chức thuộc Tổ chuyên môn liên quan.

- Nguồn lực công nghệ: Cơ sở dữ liệu ngành Thuế, hóa đơn điện tử và các phần mềm phân tích dữ liệu, cảnh báo rủi ro.

4.2. Với giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy thu thuế

4.2.1. Phân công nhiệm vụ

- Tổ Hành chính, tổng hợp chủ trì rà soát cơ cấu tổ chức, đào tạo, luân chuyển và đánh giá công chức.

- Tổ Nghiệp vụ, dự toán, pháp chế xây dựng quy trình phối hợp nghiệp vụ, tiêu chuẩn chuyên môn và triển khai chuyển đổi số.

- Tổ Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp quản lý chuyên sâu theo nhóm doanh nghiệp, xây dựng cơ sở dữ liệu và phối hợp xử lý vi phạm.

- Tổ Kiểm tra thực hiện kiểm tra nội bộ, giám sát công vụ, luân chuyển vị trí nhạy cảm và đánh giá công chức.

4.2.2. Lộ trình thực hiện

- Năm 2026: Rà soát cơ cấu tổ chức, đánh giá nhân sự và hoàn thiện quy chế phối hợp. Năm 2027: Bố trí công chức chuyên trách, tăng cường đào tạo công nghệ và quản trị rủi ro. Năm 2028: Hoàn thiện hệ thống KPI và thực hiện luân chuyển định kỳ. Năm 2029: Mở rộng ứng dụng công nghệ số và đánh giá mô hình quản lý chuyên sâu. Năm 2030: Tổng kết, chuẩn hóa quy trình quản lý và cơ chế đào tạo, đánh giá công chức.

4.2.3. Kinh phí, nguồn lực

- Nguồn kinh phí: Kinh phí từ ngân sách hành chính, hiện đại hóa ngành Thuế và chuyển đổi số.

- Nguồn lực nhân sự: Công chức thuộc Tổ chuyên môn liên quan.

- Nguồn lực công nghệ: Hệ thống quản lý thuế, hóa đơn điện tử, phần mềm phân tích dữ liệu và hạ tầng bảo mật.

4.3. Với giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức thu thuế

4.3.1. Phân công nhiệm vụ

- Tổ Nghiệp vụ, dự toán, pháp chế chuẩn hóa dữ liệu đăng ký thuế, xây dựng chương trình tuyên truyền, cơ sở dữ liệu ấn định thuế và hệ thống quản lý nợ thuế.

- Tổ Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp khảo sát doanh nghiệp mới, phân loại rủi ro, hỗ trợ kê khai, theo dõi nợ thuế và thực hiện cưỡng chế theo thẩm quyền.

- Tổ Kiểm tra phối hợp xác minh doanh nghiệp rủi ro và hỗ trợ cưỡng chế nợ thuế.

- Tổ Hành chính, tổng hợp bảo đảm kinh phí, đào tạo và theo dõi thực hiện kế hoạch.

4.3.2. Lộ trình thực hiện

- Năm 2026: Chuẩn hóa dữ liệu người nộp thuế và nâng cấp hệ thống điện tử. Năm 2027: Kết nối dữ liệu liên ngành, triển khai thư viện số và Chatbot AI. Năm 2028: Ứng dụng Big Data, AI, tăng cường kiểm soát hóa đơn điện tử. Năm 2029: Hoàn thiện hệ thống quản lý thuế điện tử và cảnh báo nợ thuế. Năm 2030: Tổng kết, chuẩn hóa mô hình quản lý thuế số và cơ chế phối hợp liên ngành.

4.3.3. Kinh phí, nguồn lực

- Nguồn kinh phí: Kinh phí từ ngân sách hành chính, hiện đại hóa ngành Thuế và cải cách hành chính.

- Nguồn lực nhân sự: Công chức thuộc Tổ chuyên môn liên quan.

- Nguồn lực công nghệ: Hệ thống quản lý thuế, hóa đơn điện tử, Big Data, AI và hạ tầng bảo mật.

4.4. Với giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thông tin NNT

4.4.1. Phân công nhiệm vụ

- Tổ Nghiệp vụ, dự toán, pháp chế nâng cấp hệ thống quản lý thông tin người nộp thuế, kết nối dữ liệu liên ngành, triển khai AI và bảo đảm an ninh mạng.

- Tổ Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp cập nhật, quản lý thông tin doanh nghiệp và hỗ trợ sử dụng dịch vụ thuế điện tử.

- Tổ Kiểm tra khai thác dữ liệu phục vụ kiểm tra, giám sát bảo mật thông tin và xử lý vi phạm dữ liệu.

- Tổ Hành chính, tổng hợp bảo đảm kinh phí, trang thiết bị và đào tạo kỹ năng khai thác hệ thống.

4.4.2. Lộ trình thực hiện

- Năm 2026: Rà soát, chuẩn hóa dữ liệu người nộp thuế và đào tạo cơ bản. Năm 2027: Kết nối dữ liệu dân cư, đăng ký kinh doanh và mở rộng dịch vụ công trực tuyến. Năm 2028: Ứng dụng AI, Big Data,

Machine Learning và xây dựng cảnh báo rủi ro tự động. Năm 2029: Hoàn thiện quản lý dữ liệu tập trung và tăng cường an toàn thông tin. Năm 2030: Tổng kết, chuẩn hóa mô hình quản lý thông tin người nộp thuế thông minh.

4.4.3. Kinh phí, nguồn lực

- Nguồn kinh phí: Kinh phí từ ngân sách hành chính, chuyển đổi số và ứng dụng CNTT.

- Nguồn lực nhân sự: Công chức thuộc Tổ chuyên môn liên quan.

- Nguồn lực công nghệ: Cơ sở dữ liệu quốc gia liên thông, hệ thống Big Data, AI và bảo mật dữ liệu.

4.5. Với giải pháp tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế và xử lý nghiêm các vi phạm về thuế

4.5.1. Phân công nhiệm vụ

- Tổ Kiểm tra ứng dụng công nghệ số trong kiểm tra thuế, xây dựng kế hoạch kiểm tra, xử lý vi phạm và giám sát nội bộ.

- Tổ Nghiệp vụ, dự toán, pháp chế xây dựng hệ thống dữ liệu phân tích rủi ro, triển khai AI, Big Data và hướng dẫn nghiệp vụ.

- Tổ Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp theo dõi hồ sơ khai thuế, xác minh hoạt động doanh nghiệp và đơn đốc thực hiện quyết định xử lý.

- Tổ Hành chính, tổng hợp bảo đảm kinh phí, đào tạo và công tác thi đua, khen thưởng.

4.5.2. Lộ trình thực hiện

- Năm 2026: Rà soát quy trình kiểm tra và đào tạo kỹ năng kiểm tra điện tử. Năm 2027: Ứng dụng AI, Big Data và kết nối dữ liệu liên ngành. Năm 2028: Tăng cường kiểm tra doanh nghiệp thương mại, thương mại điện tử và giám sát nội bộ. Năm 2029: Hoàn thiện cảnh báo rủi ro tự động và phối hợp xử lý vi phạm. Năm 2030: Tổng kết,

chuẩn hóa mô hình kiểm tra thuế điện tử và cơ chế phối hợp liên ngành.

4.5.3. Kinh phí, nguồn lực

- Nguồn kinh phí: Kinh phí từ ngân sách hành chính, chuyển đổi số và đào tạo công chức.

- Nguồn lực nhân sự: Công chức thuộc Tổ chuyên môn liên quan.

- Nguồn lực công nghệ: Hệ thống quản lý thuế, hóa đơn điện tử, Big Data, AI, phần mềm kiểm tra điện tử và hạ tầng an ninh mạng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh cải cách hệ thống thuế và chuyển đổi số quốc gia đang được triển khai mạnh mẽ, công tác quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp thương mại tại các địa bàn trọng điểm như phường Hải Châu và phường Hòa Cường – trung tâm kinh tế, thương mại và dịch vụ của thành phố Đà Nẵng – đang đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với cơ quan thuế. Doanh nghiệp thương mại là nhóm doanh nghiệp có số lượng lớn, hoạt động năng động, đóng góp đáng kể vào Ngân sách nhà nước và sự phát triển kinh tế địa phương, tuy nhiên cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro thất thu do đặc điểm hoạt động đa dạng, linh hoạt và thường xuyên biến động. Vì vậy, việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp thương mại tại Thuế cơ sở 2 có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời tạo môi trường kinh doanh minh bạch, ổn định và bền vững cho khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

Trên cơ sở hệ thống hóa các vấn đề lý luận tại Chương 1, đề án đã làm rõ những nội dung cơ bản liên quan đến quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp thương mại, bao gồm các khái niệm về thuế, doanh nghiệp kinh doanh thương mại, quản lý thu thuế, vai trò và ý nghĩa của

công tác quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp thương mại, cũng như các nội dung quản lý thuế trong thực tiễn hiện nay.

Tại Chương 2, đề án tập trung phân tích thực trạng công tác quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp thương mại tại Thuế cơ sở 2 trong giai đoạn 2021–2025 thông qua số liệu thực tiễn và đánh giá của cả công chức thuế lẫn doanh nghiệp thương mại. Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý thuế đã đạt được nhiều kết quả tích cực nhưng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Những tồn tại này đòi hỏi phải có các giải pháp đồng bộ và phù hợp để khắc phục trong thời gian tới.

Trên cơ sở đó, Chương 3 đã đề xuất hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp thương mại tại Thuế cơ sở 2. Đề án đồng thời nhấn mạnh việc ứng dụng các công nghệ hiện đại trong quản lý thuế như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Machine Learning và phân tích hành vi người nộp thuế nhằm nâng cao hiệu quả phân tích rủi ro, giám sát và kiểm tra thuế. Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Thuế cơ sở 2 với các cơ quan chức năng và các tổ chức liên quan được xác định là giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý thuế trong bối cảnh kinh tế số và thương mại điện tử ngày càng phát triển.

Tại Chương 4, đề án đã cụ thể hóa một số giải pháp quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp thương mại được đề xuất thông qua việc xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chi tiết cho 05 nhóm giải pháp trọng tâm. Nội dung triển khai được xây dựng trên ba nội dung chủ yếu gồm: Phân công nhiệm vụ; xây dựng lộ trình thực hiện; xác định các nguồn lực thực hiện; góp phần xây dựng cơ chế quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp thương mại theo hướng hiện đại, minh bạch, công bằng và hiệu quả trong giai đoạn 2026–2030.